TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2018/DS-ST
Ngày: 27-4-2018
V/v : tranh chấp HĐDS mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân.

2. Ông Lê Văn Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang** tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2018/TLST- DS ngày 04 tháng 4 năm 2017, về "*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị M, sinh năm 1965. Cư trú tại tổ 01, ấp LH1, xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang. Ủy quyền cho ông Huỳnh Tấn L, sinh năm 1984. Cư trú tại tổ 17, ấp VT2, xã CP, thị xã TC, tỉnh An Giang làm đại diện. Theo văn bản ủy quyền ngày 21-3-2017.

- *Bị đơn:* Lâm Văn H, sinh năm 1964. Ngụ tổ 02, ấp LH1, xã LH, PT.

Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1990, cư trú ấp kT1, xã KT, huyện CM, tỉnh An Giang đại diện theo ủy quyền cho ông Lâm Văn H. Theo văn bản ủy quyền 21-4-2017.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Lâm Bảo V, sinh năm 1990. Cư trú tổ 02, ấp LH1, xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang.

+ Nguyễn Văn C (tự Nguyễn Văn N), sinh năm 1974. Cư trú khu dân cư K 4, ấp LH2, phường LS, thị xã TC, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng*: ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1957. Cư trú tổ 2, ấp LH1, xã LH, PT, An Giang.

Các ông, bà L, H, V, C, Tiến có mặt. Ông Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04-4-2016; bản tự khai ngày 21-3-2017; biên bản hòa giải các ngày 30-5-2017, 06-02-2018 và biên bản đối chất ngày 16-3-2018 của Tòa an nhân dân huyện PT thì anh L đại diện bà M trình bày: Bà M có bán thiếu thức ăn nuôi cá cho ông H như sau:

1. Hóa đơn bán lẻ Ngày 19-11-2016 số lượng 40 bao x giá 340.000đ/bao = 13.600.000 đồng; 20 bao x giá 330.000đ/bao = 6.600.000đ, tổng cộng là 20.200.000đ. Trả tiền mặt 10.000.000đ, còn thiếu 10.200.000đ + nợ củ 571.673.000đ = 581.873.000đ, do ông H ký tên và ghi tên.

2. Hóa đơn bán lẻ Ngày 28-11-2016 số lượng 30 bao X giá 330.000đ/bao = 9.900.000đ; 20 bao x giá 320.000đ/bao = 6.400.000đ, tổng cộng là 16.300.000đ + nợ củ 581.873.000đ = 598.173.000đ. Trong hóa đơn chỉ có chữ ký của bà M, không có chữ ký của người nhận hàng. Tuy nhiên, khi giao hàng thì con của ông H là Lâm Bảo V (chung nhà với ông H) nhận hàng. Do xe tải Nguyễn Văn N. Nơi cư trú khu dân cư số 4, ấp LH 02, phường LS, thị xã TC, tỉnh An Giang là tài xế của bà M giao hàng.

3. Hóa đơn bán lẻ ngày 06-12-2016 số lượng 40 bao X giá 320.000đ/bao = 12.800.000đ + nợ củ 598.173.000đ = 610.973.000đ. Do xe tải Nguyễn Văn N. Nơi cư trú khu dân cư số 4, ấp LH02, phường LS, thị xã TC, tỉnh An Giang của bà M giao hàng.

4. Hóa đơn bán lẻ ngày 11-12-2016 số lượng 60 bao X giá 320.000đ/bao = 19.200.000đ + nợ củ 610.973.000đ = 630.173.000đ. Do xe tải Nguyễn Văn N. Nơi cư trú khu dân cư số 4, ấp LH 02, phường LS, thị xã TC, tỉnh An Giang của bà M giao hàng.

5. Hóa đơn bán lẻ ngày 22-12-2016 số lượng 30 bao X giá 320.000đ = 9.600.000đ + nợ củ 630.173.000đ/bao = 639.773.000đ. Do anh V con ông H nhận hàng và ký tên. Do xe tải Nguyễn Văn N. Nơi cư trú khu dân cư số 4, ấp LH02, phường LS, thị xã TC, tỉnh An Giang của bà M giao hàng.

6. Hóa đơn bán lẻ ngày 26-12-2016, trong hóa đơn ghi số lượng 320 bao, giá 320.000đ/bao = 8.200.000đ do ghi nhầm chứ thực tế số lượng chỉ 26 bao + nợ củ 639.773.000đ = 648.093.000đ. Đồng thời sau đó có mua thêm 12 bao = 3.400.000 đồng + nợ củ 648.093.000đ = 651.493.000đ. Do anh V con ông H nhận hàng và ký tên. Do xe tải Nguyễn Văn N. Nơi cư trú khu dân cư số 4, ấp L H02, phường L S, thị xã TC, tỉnh An Giang của bà M giao hàng

Như vậy, đến ngày 26-12-2016 thì tổng số tiền mua thiếu 651.493.000 đồng, hình thức mua bán không lập thành văn bản mà chỉ giao ước bằng miệng và khi nào bán cá xong sẽ trả dứt. Ông H bán cá vào cuối tháng 3 năm 2017 nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua thức ăn nuôi cá cho bà M.

- Về việc ông H phản tố: không chấp nhận, vì khi mua bán không giao ước

bắt buộc phải bán thức ăn đầy đủ liên tục đến khi bán cá mà giao ước bán thức ăn từng đợt và phải trả tiền, mới tiếp tục bán, nhưng không thực hiện đúng nên chị M không tiếp tục bán và kiện đòi tiền mua thức ăn thiếu. Ông H khai khi mua bán giao ước phải bán thức ăn đầy đủ liên tục đến khi bán cá, nếu có giấy tờ thì phải cung cấp cho Tòa án, vì vậy không đồng ý bồi thường theo yêu cầu phản tố của ông H.

Theo đơn phản tố ngày 28-09-2017; các biên bản lấy lời khai ngày 11-7-2017, ngày 15-8-2017, ngày 30-8-2017; các bản tự khai ngày 20-4-2017, ngày 16-3-2018 biên bản hòa giải các ngày 30-5-2017, 06-02-2018 và biên bản đối chất ngày 16-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện PT thì ông Lâm Văn H và chị Trần Thị Kim T trình bày:

- Ông H chỉ mua thiếu thức ăn nuôi cá của bà M số tiền 20.200.000 đồng, trả tiền mặt 10.000.000 đồng, còn lại 10.200.000 đồng + số tiền mua thiếu trước đó 571.673.000đ, cộng chung 581.873.000đ có hóa đơn do ông H ký và viết tên H. Riêng các hóa đơn còn lại theo ông L khai trên đây thì không thừa nhận.

Như vậy, ông H chỉ thiếu 581.873.000đ, chứ không phải thiếu số tiền 651.493.000đồng. Về hình thức mua bán không lập thành văn bản mà chỉ giao ước bằng miệng và khi nào bán cá xong sẽ trả dứt.

- Việc bà M kiện ông H đòi tiền mua thức ăn thiếu, ông đã ủy quyền cho chị T và đã được hòa giải vào ngày 30-5-2017 và giữ y không bổ sung thêm vấn đề gì khác. Vì vậy, ông H chỉ trình bày và yêu cầu phản phản tố như sau:

Khi thỏa thuận mua bán thức ăn không làm giấy tờ, có giao ước bằng miệng là bà Mai sẽ bán thức ăn cho ông đến khi cá bán được, không có người khác chứng kiện, nhưng trong quá trình giao hàng có nhiều lần có anh T chứng kiến và chị M nói sẽ bán cá đến khi cá bán được, nhưng nữa chừng thì chị M ngưng không bán tiếp, ông có đến yêu cầu nhiều lần, chị M nói trả dứt tiền mới bán tiếp, lúc đó không có người khác chứng kiến.

Sau đó ông bán cá cho 01 người ở Cam Pu Chia không biết họ, tên và địa chỉ. Bán được 10.100kg giá 20.000đ/kg, không có giấy tờ chỉ có ông T chứng kiến. Nay ông yêu cầu bà M phải bù trừ lại số tiền thiệt hại do cá bị chết không bán được là 5.500 kg giá 20.000đ/ký, đây là số lượng cá bị đói chết và trong số cá chết nầy ông chỉ bán được 200 ký, giá 3.000đ /ky = 600.000đ, còn lại 5.300 ký không bán được, việc cá chết ông không báo chính quyền lập biên bản về việc lượng cá chết nhưng có anh T chứng kiến.Tổng số là 110.000.000đ phải bù trừ vào số tiền mua thức ăn thiếu.

Theo biên bản lấy lời khai các ngày: 11-7-2014, 15-8-2017; biên bản hòa giải ngày 06-02-2018 của Tòa án nhân dân huyện PT và lời khai tại phiên tòa thì anh Lâm Bảo V trình bày: Anh là con ruột cua ông Lâm Văn H. Bà M kiện cha anh đòi tiền mua thức ăn chăn nuôi cá thiếu, số tiên là 651.493.000đ theo 04 hóa đơn sau đây, tôi là người nhận hàng và ký tên thể hiện như sau:

1- Hóa đơn bán lẽ ngày 06-12-2016: số lượng 40 bao bao x giá 320.000đ/bao = 12.800.000đ + nợ củ 598.173.000đ = 610.973.000đ.

2- Hóa đơn bán lẽ ngày 11-12-2016: số lượng 60 bao bao x giá 320.000đ/bao = 19.200.000đ + nợ củ 610.973.000đ = 630.173.000đ.

3- Hóa đơn bán lẽ ngày 22-12-2016: số lượng 30 bao bao x giá 320.000đ/bao

= 9.600.000đ + nợ củ 630.173.000đ = 639.773.000đ.

4- Hóa đơn bán lẽ ngày 26-12-2016: Trong hóa đơn ghi số lượng 320 bao, giá 320.000đ/bao = 8.200.000đ do ghi nhầm, chứ thực tế số lượng chỉ 26 bao = nợ củ 639.773.000đ = 648.093.000đ, đồng thời sau có mua thêm 12 bao= 3.400.000đ = nợ củ 648.093.000đ = 651.493.000đ. 4 chữ ký trong 4 hóa đơn trên tôi không nhớ có phải do tôi ký tên hay không.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 07-7-2017 của Tòa án nhân huyện PT thì anh Nguyễn Văn C (tên thường gọi Nguyễn Văn N) khai: Anh với bà M và ông H không quan hệ họ hàng, anh là người làm công cho bà M trong việc lái xe giao hàng cho khách. Bốn hóa đơn mà anh L khai trên đây là bốn lần anh giao hàng đều do con ông H là anh V nhận thay và ký tên.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 09-01-2018 và biên bản đối chất ngày 16-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện PT thì ông Nguyễn Hữu T khai: Tôi với anh H và bà M chỉ quen biết cùng xóm, việc giao ước mua bán ban đầu giữa đôi bên như thế nào tôi không biết. Sau khi ông H mua thức ăn chăn nuôi cá của bà M, không nhớ chính xác vào thời gian nào thì ông H nói với tôi là bà M bán thức ăn đến khi nào cân cá mới trả tiền, lúc đó không có người khác chứng kiến, nguyên nhân anh H nói với tôi là do tôi với anh H thường xuyên uống cà phê chung nên anh H nói cho tôi nghe.

Ngoài nội dung anh H noí cho tôi nghe trên đây thì khi anh H cân cá tôi có đến bè chứng kiến anh H bán cho người mua không biết họ, tên và ở đâu, giá 20.000đ/ký, tổng số khoản 10 tấn cá và trước khi bán tôi chứng kiến cá bị chết nhưng không biết số lượng bao nhiêu, anh H nói do chị M không bán tiếp thức ăn nên cá đói mà chết và tôi có dẫn anh H đi nơi khác mua thức ăn.

- Anh L yêu cầu:

+ Ông Lâm Văn H phải trả dứt điểm số tiền 651.493.000đồng, đồng thời trả tiền lãi suất theo pháp luật quy định.

+ Đối với các hóa đơn do anh V ký tên, nếu sau này anh V không thừa nhận thì sẽ cung cấp các chữ ký của anh V và yêu cầu Tòa án Trưng cầu giám định và sau khi có kết quả giám định mà các chữ ký đó do anh V ký thì phải trả đúng số tiền các hóa đơn đã ghi còn thiếu, nếu kết quả không do anh V ký thì không yêu cầu số tiền theo hóa đơn đã ghi thiếu mà chỉ yêu cầu trả theo sự thừa nhận là 581.873.000đ

+ Đối với yêu cầu phản tố của ông H: không đồng ý bồi thường, vì khi mua bán không giao ước bắt buộc phải bán thức ăn đầy đủ liên tục đến khi bán cá mà giao ước bán thức ăn từng đợt và phải trả tiền, mới tiếp tục bán, nhưng không thực hiện đúng nên chị M không tiếp tục bán và kiện đòi tiền mua thức ăn thiếu. Ông H khai khi mua bán giao ước phải bán thức ăn đầy đủ liện tục đến khi bán cá, nếu có giấy tờ thì phải cung cấp cho Tòa án.

- Chị T đại diện anh H về việc bà M kiện đòi trả tiền mua thức ăn thiếu, yêu cầu: Chỉ đồng ý trả số tiền còn thiếu 581.873.000 đồng cho bà M, chứ không đồng ý trả theo yêu cầu số tiền 651.493.000 đồng của bà M.

- Anh H yêu cầu với tư cách là bị đơn có yều cầu phản tố: Việc chị M kiện đòi tôi trả tiền mua thức ăn thiếu tôi đã ủy quyền cho chị T, vì vậy tôi chỉ yêu cầu về việc tôi phản tố phải khấu trừ 110.000.000đ vào tiền tôi mua thiếu thức ăn, còn lại

bao nhiêu sẽ tiếp tục trả, vì khi mua bán bà M hứa sẽ bán thức ăn đến khi cá bán được nhưng ngưng bán nữa chừng làm cá đói và chết.

- Anh V yêu cầu : Thời gian quá lâu không nhớ có phải chữ ký của tôi trong các hóa đơn hay không, nếu kết quả giám định chữ ký của tôi thì Tòa án giải quyết theo pháp luật quy định.

- Anh C yêu cầu: Tôi đã giao hàng của bà M cho phía gia đình ông H, vì vậy tôi không còn liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

{1} Về hình thức, thủ tục tố tụng :

{11} Ông H bị bà M kiện đòi tiền mua thức ăn thiếu với tư cách là bị đơn nhưng ông ủy quyền cho chị T, vì vậy chị T đại diện theo ủy quyền cho ông.

{1.2} Ông H phản tố yêu cầu bà M phải bồi thường cá bị thiệt hại do bà M ngưng bán thức ăn làm cá đói và chết để bù trừ vào số tiền ông mua thức ăn thiếu, ông không ủy quyền cho chị T mà trực tiếp tham gia, vì vậy chị T không đại diện ở lĩnh vực này mà do ông H trực tiếp tham gia.

{1.3} Anh V đã được thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nợp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đối chất nhưng anh vắng mặt, vì vậy lập biên bản không tiến hành được (bút lục các số 30,31,39,, 40, 41).

{2} Về nội dung:

{2.1} Nội dung tranh chấp giữa đôi bên phát sinh từ quan hệ hợp đồng dân sự mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự. Ở đây giữa đôi bên đã thống nhất bà M là người bán thức ăn chăn nuôi cá, ông H là người mua và có mua thiếu thức ăn của bà M, chỉ còn còn mâu thuẫn là sau khi ngưng mua bán thì ông H còn thiếu bà M bao nhiêu tiền. Theo bà M khai thì ông H còn thiếu

1- Hóa đơn bán lẽ ngày 06-12-2016: số lượng 40 bao bao x giá 320.000đ/bao = 12.800.000đ + nợ củ 598.173.000đ = 610.973.000đ.

2- Hóa đơn bán lẽ ngày 11-12-2016: số lượng 60 bao bao x giá 320.000đ/bao = 19.200.000đ + nợ củ 610.973.000đ = 630.173.000đ.

3- Hóa đơn bán lẽ ngày 22-12-2016: số lượng 30 bao bao x giá 320.000đ/bao = 9.600.000đ + nợ củ 630.173.000đ = 639.773.000đ.

4- Hóa đơn bán lẽ ngày 26-12-2016: = 651.493.000đ

- Chị T đại diện cho ông H khai ông H chỉ mua thiếu thức ăn nuôi cá của bà M số tiền 20.200.000 đồng, trả tiền mặt 10.000.000 đồng, còn lại 10.200.000 đồng + số tiền mua thiếu trước đó 571.673.000đ, cộng chung 581.873.000đ

Như vậy anh L cho rằng ông H còn thiếu bà M 651.493.000đ chứ không phải 581.873.000đ, được chứng minh bằng 4 hóa đơn trên đây do anh V con của của ông H nhận và ký tên, bà T cho rằng ông H chỉ còn thiếu 581.873.000đ chứ không phải 651.493.000đ, Anh V cho rằng có nhận hàng cho cha là ông H nhưng không nhớ chữ ký trong 4 hóa đơn có phải do anh ký hay không, nếu kết quả giám định là chữ

ký của anh thì Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

HĐXX xét thấy theo bản kết luận giám định số 358/KLGT-PC54, lập ngày 23-8-2017 của phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh An Giang (bút lục 69) thể hiện như sau :

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký dưới mục: " người nhận hàng" trên tài liệu cần giám định ký hiệu: A1 – A4 so với chữ ký mang tên Lâm Bảo V trên tài liệu mẫu so sanh ký hiệu: " M1 – M6 có phải do cùng một người ký ra hay không.

- Chữ ký dưới mục: " Người nhận hàng" trên tài liệu cần giám định ký hiệu: " A1 – A4 so với chữ ký mang tên Lâm Bảo V trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu: " M7- M9 do cùng một người ký ra .

Đối chiếu kết quả giám định trên đây cho thấy số tiền thiếu 651.493.000đ là hóa đơn lập ngày 26-12-2016 (bút lục số 80- tài liệu cần giám định A4) với chữ ký đơn xin nghĩ việc làm ngày 16-8-2016 (bút lục 97) thì chữ ký ở 2 loại tài liệu này điều do anh V ký. Từ đó có cơ sở để HĐXX kết luận số tiền ông H mua thiếu thức ăn chăn nuôi cá còn thiếu là 651.493.000đ chứ không phải là 581.873.000đ. Hơn nữa theo biên bản lấy lời khai ngày 11-7-2017 của Tòa án thì ông H khai nếu kết quả giám định chữ ký của anh V trong các hóa đơn do bà M cung cấp thì ông đồng ý trả. Nay ông L đại diện yêu cầu ông H trả số tiền trên cho bà M là hoàn toàn có cơ sở và chấp nhận buộc ông H phải có nghĩa vụ trả nợ.

{2.2}Ngoài ra anh L còn yêu cầu ông H phải trả tiền lãi theo pháp luật. Theo quy định tại khoản 3 Điều 440 bộ luật dân sự quy định: " Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này" và Điều 357 Bộ luật dân sự quy định : " Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1, Điều 468 của Bộ luật nầy; không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật nầy". Đối chiếu các Điều luật trên cho thấy, đôi bên không có thỏa thuận trước về mức lãi suất phải trả nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, vì vậy lãi suất giới hạn được tính 50% tại khoản 2 điều 468 là 10%/năm (0,833%/ tháng). Về thời gian phải trả tiền lãi: HĐXX xét thấy đáng lẽ phải trả tiền lãi sau ngày không thực hiện trả nợ xãy ra tranh chấp, nhưng tại phiên tòa anh Lộc chỉ yêu cầu tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án ngày 04-4-2017 đến nay ngày 27-4-2018 là 12 tháng 23 ngày x 651.493.000đ x 0,833%/ tháng = 69.284.000đ.

Tổng vốn và lãi phải trả = 720.777.000đ.

{2.3} Ông H phản tố yêu cầu bà M phải bồi thường cá bị thiệt hại do bà M ngưng bán thức ăn làm cá chết đói số tiền là 110.000.000đ để bù trừ vào số tiền mua thức ăn còn thiếu, quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX xét thấy đôi bên thống nhất khi giao dịch mua bán không lập thành văn bản, không có người khác trực tiếp chứng kiến và hiện tại ông H chỉ cung cấp được ông T là người khi cân cá bán có chứng kiến và chứng kiến trước đó cá đói và chết và có hướng dẫn ông H đi mua thức ăn nơi khác. Như vậy khi giao dịch không lập hợp đồng, không người khác chứng kiến để xác định khi mua bán có giao ước phải bán thức ăn đầy đủ đến khi cá bán hay không nhằm có cơ sở sơ kết luận bên nào đã vi phạm, hơn nữa khi bà M ngưng bán thì đáng lẽ ông phải yêu cầu chính quyền giải

quyết buộc bà M phải tiếp tục bán. Mặt khác ông T không phải là người trực tiếp chứng kiến nghe và thấy giữa ông H với bà M giao ước về việc mua bán mà ông chỉ biết đượcc ở gai đoạn sau đó nghe ông H nói lại. Từ đó việc yêu cầu phản tố của ông H không có cơ sở để HĐXX xem xét và bác yêu cầu của ông.

{3}Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận và ông H phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà M. Vì vậy ông phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí, lệ phí Tóa án.

- Do yêu cầu phản tố của ông H không được chấp nhận, vì vậy ông phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí, lệ phí Tóa án.

{4} Về chi phí tố tụng khác: Ông L đại diện bà M nộp tạm ứng chi phí giám định 1.500.000đ (bút lục 70), theo quy định tại Điều 160 Bộ luật tố tụng dân sự và đã chi cho chi phí giám định 1.500.000đ (bút lục số 71). HĐXX xét thấy kết quả giám định là chữ ký của anh V, vì vậy anh V phải chịu và hoàn trả lại cho bà M theo quy định tại khoản 2 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

{5}- Phát biểu ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện PT về việc Thẩn phán, Hội dồng xét xử, thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà M. Riêng yêu cầu phản tố của ông H không có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 160; khoản 2 Điều 161; khoản 1 Điều 162; khoản 2 Điều; khoản 1 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 200; Điều 271; khoản 1, Điều 273; Điều 278 và khoản 1, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357; Điều 430; khoản 3, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Các Khoản 2 và 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Buộc ông Lâm Văn H phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị M số tiền 720.777.000đ (Bảy trăm, hai mươi triệu, bảy trăm, bảy mươi bảy ngàn đồng chẵn)

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Bác yêu cầu phản tố của ông Lâm Văn H đòi bà Trần Thị M bồi thường 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng chẵn) để bù trừ vào tiền mua cá thiếu.

- Ông Lâm Bảo V phải hoàn trả lại cho bà Trần Thị M số tiền giám định là 1.500.000đ (Một triệu, năm tram ngàn đồng chẵn)

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lâm Văn H phải chịu án phí việc trả nợ và về việc phản tố là 41.231.000đ (Bốn mươi một triệu, hai trăm, ba mươi một ngàn đồng chẵn). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông dã nộp là 2.750.000đ, theo biên lai thu số 0016277 ngày 24-10-2017 của cơ quan Chi cục Thi hành án huyện PT. Số còn lại ông phải tiếp tục nộp là 38.481.000đ (Ba mươi tám triệu, bốn trăm, tám mươi một ngàn đồng chẵn).

- Ông Lâm Bảo V phải chịu án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn)

- Bà Trần Thị M không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.287.000đ (Mười sáu triệu hai trăm, tám mươi bảy ngàn đồng chẵn) theo biên lai thu số 0012938 ngày 04-4-2018 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện PT;
- VKSND huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thành Dũng